

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 69/2022/DS-GĐT

Ngày 08-12-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có 11 (mười một) thành viên tham gia xét xử giám đốc thẩm, gồm các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bường, ông Phạm Tấn Hoàng, ông Phạm Việt Cường, ông Lê Tự, ông Vũ Thanh Liêm, ông Nguyễn Văn Tiến, ông Nguyễn Văn Tào, ông Nguyễn Cường, ông Trương Minh Tuấn, ông Đặng Kim Nhân và ông Lê Phước Thanh, do ông **Phạm Việt Cường** làm Chủ tọa phiên tòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Tuyết** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 08-12-2022, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương H**; địa chỉ cư trú: Khu phố 11, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

2. Bị đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.**

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 150/UQ-PC ngày 15-4-2021): Bà **Hồ Thị Thanh T** - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Giao dịch Đ - Chi nhánh Quảng Trị; địa chỉ: Số 34 đường H, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Công T**; địa chỉ cư trú: Khu phố 3, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn, trình bày:*

Ngày 06-3-2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị Phương H, ông Nguyễn Hữu B lập Hợp đồng chuyển nhượng cho bà Trần Thị N, bà Hoàng Thị Nguyệt A quyền sử dụng đất và nhà, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 976736. Cuối giờ sáng ngày 08-3-2018, bà A và bà H đến Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh Quảng Trị - Phòng Giao dịch Đôn (sau đây viết tắt là Ngân hàng TMCP

- Chi nhánh Quảng Trị) để nhận 4.000.000.000 đồng của bà A vay của Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Quảng Trị chuyển trả vào tài khoản của bà H tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Quảng Trị 4.000.000.000 đồng, nhưng bà H yêu cầu được nhận tiền mặt. Bà A nói với bà H viết Ủy nhiệm chi chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng vào số tài khoản của người khác để bà A giao tiền mặt cho bà H. Sau khi được cán bộ Ngân hàng đưa cho bà H 02 liên Ủy nhiệm chi thì bà A đọc số tài khoản 0771000588306 mang tên Lê Công T (tên người thụ hưởng) để bà H ghi vào Ủy nhiệm chi. Sau đó, bà H đưa Ủy nhiệm chi cho cán bộ Ngân hàng, cán bộ Ngân hàng tiến hành hạch toán, nhưng trong tài khoản của bà H không đủ số dư, nên bà H yêu cầu hủy Ủy nhiệm chi rồi về. Bà A gọi điện thoại cho bà H nói chiều Ngân hàng giải quyết cho bà A vay, thì bà A điện thoại cho bà H đến nhận tiền, nhưng đến cuối giờ chiều ngày 08-3-2018, bà H không thấy bà A điện thoại. Do không thấy bà A trả 4.000.000.000 đồng, nên bà H nhiều lần điện thoại và nhắn tin yêu cầu bà A trả tiền, nhưng bà A trả lời chưa vay được. Từ đó đến khi Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N với bà Trần Thị N, bà Hoàng Thị Nguyệt A thì bà H yêu cầu in sao kê mới biết ngày 09-3-2018, Ngân hàng đã chuyển vào tài khoản của bà H 4.000.000.000 đồng và trong ngày Ngân hàng chuyển số tiền này vào tài khoản của ông Lê Công T khi chưa được sự đồng ý của bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bà H có yêu cầu Tòa án xem xét số tiền 4.000.000.000 đồng nhưng được Tòa án giải thích có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Ngày 09-3-2018, Ngân hàng TMCP N tự ý sửa ngày, số ký hiệu của chứng từ để chuyển 4.000.000.000 đồng từ tài khoản của bà H vào tài khoản của ông Lê Công T là trái quy định của Luật Kế toán, Luật Ngân hàng, Luật Các tổ chức tín dụng và đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà H. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng TMCP N trả cho bà 4.000.000.000 đồng.

- Bị đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP N đã thực hiện Lệnh chuyển tiền theo Ủy nhiệm chi của bà Nguyễn Thị Phương H, với nội dung: Tài khoản trích nợ 0771000580485 tên Nguyễn Thị Phương H; tài khoản thụ hưởng 0771000588306 tên Lê Công T; số tiền 4.000.000.000 đồng; nội dung: Trả tiền mượn; chữ ký và chữ viết của chủ tài khoản trích nợ đúng với mẫu đăng ký tại Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị Phương H biết giao dịch này từ khi xác lập Ủy nhiệm chi và thông qua tin nhắn SMS thông báo biến động số dư, nên bà H phải chịu trách nhiệm đối với giao dịch mình tự xác lập. Lệnh chuyển do Ngân hàng thực hiện khi có yêu cầu của chủ tài khoản (bà H). Ngân hàng đã thực hiện đúng quy định pháp luật, việc bà H cho rằng không biết giao dịch chuyển 4.000.000.000 đồng là không có cơ sở.

Ủy nhiệm chi được lập ngày 08-3-2018 tại phần dành cho Ngân hàng có sự sửa đổi từ số QTR 00880277 08Mar18, T000.0073 thành số QTR 0080277 09Mar18, T000.0032 để khớp đúng với thực tế phát sinh và sao kê của khách hàng do tài khoản của khách hàng không đủ số dư ngày 08-3-2018, đã hạch toán lần hai vào ngày 09-3-2018 khi tài khoản đủ số dư, nên không làm thay đổi nội dung của chứng từ gốc Ủy nhiệm chi của khách hàng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Lê Công T) trình bày:*

Ông Lê Công T thừa nhận ngày 09-3-2018 tài khoản số 0771000588306 của ông T mở tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Quảng Trị nhận được số tiền chuyển khoản 4.000.000.000 đồng từ số tài khoản 0771000580485 mang tên Nguyễn Thị Phương H, với nội dung: Trả tiền mượn. Sau khi nhận tiền, ngày 09-3-2018, ông T đã lập Giấy rút 4.000.000.000 đồng này. Ông T thừa nhận chữ ký, chữ viết trên Giấy rút tiền ngày 09-3-2018 tại Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Quảng Trị là của ông T. Do thời gian quá lâu, ông T không nhớ sau khi nhận tiền đã giao 4.000.000.000 đồng cho người nào. Ông T không quen biết bà H và bà H không vay mượn tiền của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 07-12-2021, Tòa án nhân dân thành phố Đ:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 513, Điều 515, Điều 516, Điều 517 và Điều 518 của Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 27 của Luật Kế toán, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương H về yêu cầu Ngân hàng TMCP N phải bồi thường số tiền 4.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20-12-2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2022/DS-PT ngày 28-3-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương H; sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 404, Điều 513, Điều 515, Điều 516, Điều 517 và Điều 518 của Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 98 của Luật Các Tổ chức tín dụng và khoản 3 Điều 18 của Luật Kế toán, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H;
2. Buộc Ngân hàng TMCP N phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Phương H 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng).

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

- Ngày 12-4-2022, Ngân hàng TMCP N có đơn đề nghị xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/2022/KN-DS ngày 05-10-2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Phương H thừa nhận đã nhận khoản tiền 4.000.000.000 đồng do bà Hoàng Thị Nguyệt A chuyển khoản ngày 09-3-2018 vào tài khoản cá nhân của bà mở tại Ngân hàng TMCP N. Tuy nhiên, cho rằng ngày 08-3-2018, bà chỉ ký Ủy nhiệm chi số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông T, nhưng do tài khoản của bà không đủ tiền, nên bà đã yêu cầu hủy Ủy nhiệm chi này. Đến ngày 09-3-2018, bà A có chuyển vào tài khoản của bà 4.000.000.000 đồng nhưng Ngân hàng đã chuyển khoản số tiền này từ tài khoản của bà cho ông Lê Công T cùng ngày 09-3-2018 là không đúng với ý chí của bà, bà không biết việc này nên khởi kiện yêu cầu Ngân hàng phải hoàn trả lại cho bà số tiền này.

[1.1]. Căn cứ vào giấy Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018, có nội dung tại phần dành cho khách hàng như sau: *“Số tài khoản ghi nợ: 0771000580485; tên tài khoản ghi nợ: Nguyễn Thị Phương H; địa chỉ: X Thành Cổ, Đ, Quảng Trị; tại Ngân hàng N Quảng Trị; số tài khoản ghi có: 0771000585306; tên tài khoản ghi có: Lê Công T; tại Ngân hàng N Quảng Trị, số tiền bằng số 4.000.000.000 đồng, số tiền bằng chữ: Bốn tỷ đồng chẵn; nội dung: Trả tiền Mượn”*. Tại Đơn trình bày ngày 07-6-2021 (bút lục số 73) của bà Nguyễn Thị Phương H ghi *“1. Từ ủy nhiệm chi do tôi viết được lập ngày 08-3-2018”* và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H đã xác nhận chữ viết và chữ ký tại Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018 là của bà và thừa nhận *“Tại thời điểm viết Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018, nội dung chuyển số tiền 4.000.000.000 đồng vào số tài khoản của ông Lê Công T là tôi hoàn toàn tự nguyện, theo ý chí của mình”*. Lời khai của bà H phù hợp với Kết luận giám định số 75/KLGD-PC09 ngày 14-5-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới chữ ký mang tên Nguyễn Thị Phương H trên chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018 với mẫu so sánh là chữ ký, chữ viết của một người ký, viết ra; phù hợp với lời khai của ông Lê Công T đã nhận và rút khoản tiền này. Như vậy, khẳng định Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018 do bà H viết và ký tên.

Theo bà Nguyễn Thị Phương H trình bày, thì sau khi viết Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018, do tài khoản của bà không đủ tiền để thực hiện giao dịch, nên bà đã yêu cầu hủy Ủy nhiệm chi rồi đi về, nhưng bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bà đã yêu cầu hủy Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018 để không thực hiện giao dịch này.

[1.2]. Tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 46/2014/TT-NHNN ngày 31-12-2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về dịch vụ thanh toán không bằng tiền mặt, chứng từ và hạch toán đối với dịch vụ thanh toán Ủy nhiệm quy định:

“Tại ngân hàng phục vụ bên trả tiền:

Sau khi kiểm soát: Nếu ủy nhiệm chi hợp pháp, hợp lệ và được đảm bảo khả năng thanh toán thì xử lý:

Nếu bên thụ hưởng và bên trả tiền có tài khoản thanh toán cùng ngân hàng, thì chậm nhất trong 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận ủy nhiệm chi của khách hàng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác), ngân hàng hạch toán vào tài khoản thanh toán của bên trả tiền, bên thụ hưởng và báo Nợ cho bên trả tiền, báo Có cho bên thụ hưởng”.

Tại Văn bản số 4009/NHNN-TT ngày 08-6-2021 và Văn bản số 6522/NHNN-TT ngày 13-9-2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân thành phố Đ (bút lục số 70 và số 163) đều xác định: Ủy nhiệm chi **ngày 08-3-2018** có thể được xử lý, hạch toán ghi Nợ, Có vào tài khoản thanh toán của bên trả tiền, bên thụ hưởng có cùng tài khoản tại Ngân hàng vào ngày **09-3-2018** (điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 46/2014/TT-NHNN).

Như vậy, do bà Nguyễn Thị Phương H không yêu cầu hủy Ủy nhiệm chi ngày 08-3-2018, do đó sáng ngày 09-3-2018, sau khi tài khoản của bà H có đủ tiền, Ngân hàng đã tiếp tục thực hiện giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của bà H vào tài khoản của ông Lê Công T theo Ủy nhiệm chi nêu trên. Việc Ngân hàng sửa số và ngày hạch toán trên chứng từ hạch toán báo sổ in ở phần dành cho Ngân hàng trên Ủy nhiệm chi là chưa đúng quy định tại Điều 27 của Luật Kế toán năm 2015 (*viết đề lên chứng từ thay vì sử dụng phương pháp cải chính*). Tuy nhiên, sai sót trong kỹ thuật tác nghiệp này không làm ảnh hưởng đến bản chất việc Ngân hàng đã chuyển tiền cho ông T theo đúng ý chí của bà H, Ngân hàng không sửa, tẩy xóa số tiền, không chuyển cho người khác ngoài ông T.

[2]. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19-8-2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và mục 6 Điều 38 Quyết định số 192/QĐ-NTNT.HĐQT ngày 10-10-2004 về việc ban hành Quy chế mở, sử dụng và quản lý tài khoản tiền gửi trong hệ thống Ngân hàng N, thì bà Nguyễn Thị Phương H phải *“Thông báo kịp thời với NHNT khi phát hiện thấy sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản của mình bị lợi dụng”*. Sau khi thực hiện hạch toán chuyển tiền, thì Ngân hàng đã thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn điện thoại của bà H đăng ký tại Ngân hàng (dịch vụ Internet Banking), nhưng kể từ thời điểm chuyển tiền ngày 09-3-2018 đến ngày khởi kiện 26-02-2021, bà H không có bất kỳ khiếu nại hay phản ánh nào tới Ngân hàng về số tiền trên. Như vậy, việc bà H trình bày không biết Ngân hàng chuyển 4.000.000.000 đồng cho ông T là không có cơ sở, bởi lẽ đây là số tiền rất lớn, trong thời gian dài gần 3 năm mà bà H trình bày không biết giao dịch này là không đúng.

Đối với ông Lê Công T, sau khi nhận tiền do bà H chuyển khoản, ông cũng không có ý kiến gì về việc nhận khoản tiền bà H trả nợ này. Vì vậy, nghĩa vụ trả 4.000.000.000 đồng cho bà H thuộc về ông T, nếu bà H có yêu cầu.

[3]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H về việc buộc Ngân hàng phải hoàn trả cho bà

4.000.000.000 đồng là đúng pháp luật. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, nên cần hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 343, Điều 344 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/2022/KN-DS ngày 05-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 08/2022/DS-PT ngày 28-3-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DS-ST ngày 07-12-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đ về vụ án “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Phương H với bị đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần N.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 6 Điều 18, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu 112.000.000 đồng (một trăm mười hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000940 ngày 10-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; bà Nguyễn Thị Phương H còn phải chịu 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000078 ngày 23-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà H phải chịu.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng GĐKT II, HCTP và LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Cường

